

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG ĐIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN
THU GOM, XỬ LÝ CHẤT THẢI SINH HOẠT
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN QUẢNG ĐIỀN
ĐẾN NĂM 2015 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020

Quảng Điền, tháng 9 năm 2013

Số: 494/DA-UBND

Quảng Điền, ngày 06 tháng 9 năm 2013

ĐỀ ÁN

Thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn huyện đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020

Môi trường có tầm quan trọng đặc biệt đối với đời sống của con người, sinh vật và sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước. Bảo vệ môi trường để phát triển bền vững hiện đang là vấn đề cấp bách trên toàn thế giới, đặc biệt đối với các Quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, các ngành sản xuất, kinh doanh-dịch vụ ở các đô thị và khu công nghiệp được mở rộng và phát triển nhanh chóng, một mặt đóng góp tích cực cho sự phát triển đất nước, mặt khác tạo ra một lượng lớn các loại chất thải, trong đó có chất thải rắn. Việc thải bỏ một cách thiếu kiểm soát các chất thải rắn là nguồn gốc chính gây ô nhiễm môi trường, làm phát sinh và lan truyền các dịch bệnh, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và cuộc sống của con người không những đối với các đô thị mà còn ở các khu vực nông thôn. Do đó, cần phải có các biện pháp quản lý nghiêm ngặt các chất thải rắn để đảm bảo môi trường sống và phát triển một cách bền vững.

Huyện Quảng Điền có 10 xã và thị trấn Sịa, nhưng trong đó chỉ có Thị trấn Sịa và thôn Mai Dương, xã Quảng Phước có hoạt động thu gom rác thải sinh hoạt thường xuyên. Phương tiện thu gom rác chủ yếu là xe đẩy tay thô sơ nên tỷ lệ rác thu gom thấp, cùng với sự thiếu ý thức của người dân đã dẫn đến tình trạng đổ rác ra sông, kênh rạch, ao hồ, rú cát và các khu vực công cộng. Mặc dù đã có quy hoạch các điểm đổ rác thải nhưng vẫn chưa đáp ứng được các yêu cầu về vệ sinh môi trường. Phần lớn các địa điểm đổ rác thải trên địa bàn huyện đều chỉ là bãi đất trống dùng để đổ rác, đốt rác, hoặc là ô chứa tạm, chưa được đầu tư xây dựng và lắp đặt các trang thiết bị cần thiết theo yêu cầu của việc tiêu hủy chất thải. Mặt khác, huyện Quảng Điền là vùng thấp trũng, thường xuyên xảy ra lũ lụt nên rác thải sinh hoạt từ các hộ dân là một nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường không khí, nước mặt, nước ngầm và sức khỏe của người dân.

Trước thực trạng trên, UBND huyện xây dựng Đề án thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020, cụ thể như sau:

I. Thực trạng thu gom, xử lý và dự báo lượng rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện

1. Thống kê lượng rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện

-Các nguồn chất thải rắn phát sinh trên địa bàn huyện: Khu dân cư, chợ, khu thương mại, cơ quan, công sở, công viên, khu vui chơi giải trí, làng nghề, sản xuất nông nghiệp, công trình xây dựng.

-Tỷ lệ, thành phần chất thải rắn tại huyện theo số liệu điều tra, khảo sát năm 2010: 61,85% chất thải thực phẩm; 5,79% giấy; 25,03% chất dẻo, nilon; 2,92% vải vụn; 1,40% thủy tinh; 0,06% kim loại; 2,01% sành sứ các loại; 0,76% các loại khác.

-Trên cơ sở các số liệu về dân số, mức tăng dân số (1,2%), kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của huyện và định mức chất thải phát sinh Kg/người/ngày, đem vào các thời kỳ 2010-2015-2020. Tính toán lượng chất thải rắn phát sinh như sau:

Lượng chất thải rắn phát sinh năm 2010

STT	Xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Lượng rác phát sinh		
				Kg/ng/ngđ	Kg/ngđ	Kg/năm
1	Thị trấn Sịa	2.690	11.010	0,40	4.404	1.607.460
2	Quảng An	2.538	10.646	0,36	3.833	1.398.884
3	Quảng Lợi	1.868	8.072	0,36	2.906	1.060.661
4	Quảng Phú	2.648	11.836	0,36	4.261	1.555.250
5	Quảng Phước	1.896	8.179	0,36	2.944	1.074.721
6	Quảng Thành	2.567	11.745	0,36	4.228	1.543.293
7	Quảng Thọ	1.721	8.194	0,36	2.950	1.076.692
8	Quảng Vinh	2.728	11.134	0,36	4.008	1.463.008
9	Quảng Thái	1.297	5.305	0,36	1.910	697.077
10	Quảng Công	1.445	6.606	0,36	2.378	868.028
11	Quảng Ngạn	1.475	6.991	0,36	2.517	918.617
Toàn huyện		22.873	99.718		36.339	13.263.691

(Nguồn: Dự án quản lý chất thải rắn huyện Quảng Điền)

2. Thực trạng công tác thu gom tại huyện

Hiện tại, huyện Quảng Điền có 02 đơn vị là Thị trấn Sịa và thôn Mai Dương, xã Quảng Phước có hoạt động thu gom rác thải sinh hoạt thường xuyên với tính chất và quy mô như sau:

2.1. Thị trấn Sịa

-Được thành lập năm 2007, công tác quản lý chất thải rắn đô thị vẫn theo hình thức truyền thống (thu gom, vận chuyển, xử lý) và hệ thống tái chế phi chính quy (nhặt rác, mua ve chai, vựa ve chai và các cơ sở tái chế nhỏ).

-Đội thu gom rác gồm có 15 người, được chia thành 03 tổ. Trong đó: tổ 1 gồm 05 lao động, tổ 2 gồm 06 lao động chịu trách nhiệm thu gom rác đến vị trí tập kết, tổ 3 gồm 03 lao động vận chuyển rác bằng xe ben đến bãi rác tập trung và 01 cán bộ quản lý hoạt động chung của Đội.

-Phương tiện phục vụ công tác thu gom: 01 chiếc xe ben 2,5 tấn, 12 thùng rác 120 lít, 31 thùng rác 240 lít, 02 thùng rác 660 lít, 08 xe đẩy tay.

-Phương thức thu gom rác: Rác từ hộ gia đình được bỏ vào bao nilon. Đối với các hộ gia đình ở dọc theo các đường chính, nơi có thùng rác hoặc điểm tập kết rác tự đưa rác ra bỏ. Còn các hộ trong thôn, vào buổi chiều hàng ngày từ 14 giờ đến 19 giờ, các tổ thu gom dùng xe đẩy đến tận nhà của các hộ gia đình để lấy rác. Rác được bỏ vào bao lớn rồi chắt ở bãi tập kết. Sáng sớm hôm sau từ 5-7

giờ, tổ 3 đưa xe ben đến để bốc lên và chuyển đến bãi rác tập trung của Thị trấn Sịa. Tại trung tâm thương mại Quảng Điền, rác từ các hộ kinh doanh được bỏ vào bao nylon rồi tự chuyển ra 4 điểm tập kết của trung tâm, sau đó đội thu gom sẽ bốc lên xe tải vận chuyển ra bãi rác.

2.2. Thôn Mai Dương, xã Quảng Phước

Rác được bà con bỏ vào bao lớn (50 kg) tự đem đến 02 bãi tập kết của thôn, khi nào lượng rác đủ xe 6 m³ thì thuê xe vận chuyển về bãi rác Thị trấn Sịa. Phương tiện phục vụ công tác thu gom: 07 thùng rác 240 lít, 02 thùng rác 660 lít, 02 xe đẩy tay.

Ngoài ra, tại các chợ của các xã có các đội thu gom, xử lý rác của từng chợ.

2.3. Phương tiện thu gom hiện có của toàn huyện

-Thùng rác 120 lít: 23 thùng.

-Thùng rác 240 lít: 229 thùng.

-Thùng rác 660 lít: 06 thùng.

-Xe đẩy tay: 64 chiếc.

-Xe ben 2,5 tấn: 01 chiếc.

-Xe bò: 02 chiếc.

Hiện nay, do các xã không có xe để vận chuyển rác từ xã về bãi rác tập trung nên không tổ chức được hoạt động thu gom thường xuyên. Vì thế, các phương tiện thu gom như xe đẩy tay không được sử dụng, bảo trì và đang bị hư hỏng.

2.4. Hiện trạng xử lý chất thải rắn của huyện

-Tại các khu vực nông thôn, rác có khả năng cháy sẽ được cào và đốt. Rác vườn được chôn ngay trong vườn nhà.

-Tại bãi rác tạm của huyện: Bãi rác rộng 0,25 ha. Hiện nay, hình thức xử lý chính vẫn là chôn lấp lộ thiên không có sự kiểm soát. Vào mùa nắng, việc xử lý rác bằng một phương pháp duy nhất là đốt lộ thiên, sử dụng dầu lửa và lốp xe làm nhiên liệu với tần suất đốt 3 ngày/lần.

-Việc xử lý rác còn sơ khai, chưa đúng kỹ thuật, chưa đảm bảo vệ sinh môi trường. Tại khu vực bãi rác mùi rất nặng, đây là ổ phát sinh ruồi, muỗi, chuột, bọ... nước rác có nguy cơ gây ô nhiễm cho môi trường đất, nước.

II. Nội dung của Đề án

1. Căn cứ pháp lý lập Đề án

-Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 29/11/2005;

-Căn cứ Quyết định số 2.149/QĐ-TTg ngày 17/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

-Căn cứ Quyết định số 86/2009/QĐ-TTg ngày 17/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2050;

-Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thừa Thiên Huế lần thứ XIV khẳng định “Bảo vệ môi trường, giảm nhẹ thiên tai và biến đổi khí hậu” là một trong tám Chương trình trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội của nhiệm kỳ 2011-2015 của Đảng bộ tỉnh Thừa Thiên Huế;

-Căn cứ Quyết định số 2.298/QĐ-UBND ngày 06/10/2008 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2010, định hướng hướng đến năm 2020;

-Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

-Căn cứ Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND ngày 28/01/2011 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quyết định về mức thu, quản lý và sử dụng phí vệ sinh;

-Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 06/7/2011 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về tăng cường công tác quản lý chất thải sinh hoạt;

-Căn cứ Quyết định số 1.065/QĐ-UBND ngày 13/6/2012 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Đề án thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.

-Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Quảng Điền lần thứ XII, nhiệm kỳ 2010 - 2015;

-Căn cứ Nghị quyết số 2a/2011/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng nhân dân huyện về nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2011-2015.

2. Quan điểm lập Đề án

2.1. Quản lý chất thải rắn là trách nhiệm chung của toàn xã hội, trong đó Nhà nước có vai trò chủ đạo, đẩy mạnh xã hội hoá, huy động tối đa mọi nguồn lực, tăng cường đầu tư cho công tác thu gom, xử lý chất thải rắn.

2.2. Quản lý chất thải rắn là một trong những nhiệm vụ ưu tiên của công tác bảo vệ môi trường, góp phần kiểm soát ô nhiễm, tạo cơ sở để địa phương hướng tới phát triển bền vững.

2.3. Đơn giản, hiệu quả, đảm bảo thu gom và vận chuyển an toàn chất thải rắn đến nơi tập kết và xử lý.

2.4. Thu gom chất thải rắn ở mức độ tối đa nhưng vẫn đảm bảo tiết kiệm về nhân lực, kinh phí đầu tư.

2.5. Tổ chức hệ thống thu gom phù hợp trên cơ sở sử dụng chung khu xử lý theo quy hoạch tại xã Quảng Lợi.

2.6 Chất thải rắn sinh hoạt tiến tới phân loại tại gia đình. Đối với chất thải rắn nguy hại phải được phân loại, thu gom và xử lý riêng.

2.7. Người gây ô nhiễm phải trả tiền và người sử dụng phải trả phí.

3. Dự kiến lượng rác thải sinh hoạt trên địa bàn

Lượng chất thải rắn phát sinh đến năm 2015

STT	Xã, thị trấn	Số khẩu	Lượng rác phát sinh		
			Kg/ng/ngđ	Kg/ngđ	Kg/năm
1	Thị trấn Sịa	11.687	0,45	5.259	1.919.590
2	Quảng An	11.300	0,40	4.520	1.649.800
3	Quảng Lợi	8.568	0,40	3.427	1.250.928
4	Quảng Phú	12.563	0,40	5.025	1.834.198
5	Quảng Phước	8.682	0,40	3.473	1.267.572

6	Quảng Thành	12.467	0,40	4.987	1.820.182
7	Quảng Thọ	8.698	0,40	3.479	1.269.908
8	Quảng Vinh	11.818	0,40	4.727	1.725.428
9	Quảng Thái	5.631	0,40	2.252	822.126
10	Quảng Công	7.012	0,40	2.805	1.023.752
11	Quảng Ngạn	7.421	0,40	2.968	1.083.466
Toàn huyện		105.847		42.923	15.666.950

Lượng chất thải rắn phát sinh đến năm 2020:

STT	Xã, thị trấn	Số khẩu	Lượng rác phát sinh		
			Kg/ng/ngđ	Kg/ngđ	Kg/năm
1	Thị trấn Sịa	12.405	0,50	6.203	2.263.913
2	Quảng An	11.995	0,45	5.398	1.970.179
3	Quảng Lợi	9.095	0,45	4.093	1.493.854
4	Quảng Phú	13.336	0,45	6.001	2.190.438
5	Quảng Phước	9.215	0,45	4.147	1.513.564
6	Quảng Thành	13.233	0,45	5.955	2.173.520
7	Quảng Thọ	9.232	0,45	4.154	1.516.356
8	Quảng Vinh	12.545	0,45	5.645	2.060.516
9	Quảng Thái	5.977	0,45	2.690	981.722
10	Quảng Công	7.443	0,45	3.349	1.222.513
11	Quảng Ngạn	7.877	0,45	3.545	1.293.797
Toàn huyện		112.353		51.179	18.680.372

(Nguồn: Dự án quản lý chất thải rắn huyện Quảng Điền)

4. Mục tiêu của Đề án

4.1. Mục tiêu tổng quát

-Xây dựng Đề án thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với chiến lược quản lý chất thải rắn sinh hoạt chung của tỉnh, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện và các quy hoạch khác có liên quan.

-Đảm bảo tính khoa học, sử dụng hợp lý về tài nguyên, thích ứng về kỹ thuật, công nghệ, có hiệu quả kinh tế và được xã hội chấp nhận.

-Tạo điều kiện làm việc tốt cho những người lao động tham gia thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, từng bước đưa công nghệ tiên tiến vào sử dụng; góp phần đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững.

4.2. Mục tiêu cụ thể

-Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn đủ năng lực, xử lý triệt để, tái chế, tái sử dụng chất thải, hạn chế chôn lấp, nâng cao hiệu quả công tác xử lý chất thải rắn, đặc biệt là chất thải nguy hại, chất thải y tế.

-Xã hội hoá công tác quản lý chất thải rắn; huy động các nguồn lực tham gia đầu tư thu gom, xử lý chất thải rắn.

-Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước, nâng cao trách nhiệm cộng đồng, cải thiện môi trường sống để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội, tạo cơ sở vững chắc cho việc thực hiện thành công Chương trình đầu tư xử lý chất thải rắn giai đoạn 2011 - 2020 theo Quyết định số 798/QĐ-TTg ngày 25/5/2011 của

Thủ tướng Chính phủ.

- Góp phần đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của huyện.

4.3. Mục tiêu các giai đoạn

4.3.1. Đến năm 2015

- 95% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt tại Thị trấn Sịa được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

- 90% tổng lượng chất thải rắn xây dựng tại Thị trấn Sịa được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường, trong đó 95% được thu hồi để tái sử dụng hoặc tái chế.

- 95% bùn bể phốt tại Trung tâm huyện lỵ và 70% của các cụm dân cư tập trung được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

- Giảm 50% khối lượng túi nilon sử dụng tại Trung tâm thương mại huyện và các chợ xã so với năm 2011.

- 85% lượng chất thải rắn y tế không nguy hại và 70% lượng chất thải rắn nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

- 80% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt tại các xã được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

- 100% các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư 07/2007/TT-BTNMT ngày 03/7/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được xử lý.

4.3.2. Định hướng đến năm 2020

- 98% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt tại Thị trấn Sịa được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường. Trong đó 85% được tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng hoặc sản xuất phân hữu cơ.

- 95% tổng lượng chất thải rắn xây dựng tại Thị trấn Sịa được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường, trong đó 98% được thu hồi để tái sử dụng hoặc tái chế.

- 98% bùn bể phốt tại Trung tâm huyện lỵ và 90% của các cụm dân cư tập trung được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

- Giảm 50% khối lượng túi nilon sử dụng tại Trung tâm thương mại huyện và các chợ xã so với năm 2015.

- 90% tổng lượng chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường; trong đó 75% được thu hồi để tái sử dụng và tái chế.

- 70% tổng lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh tại khu công nghiệp được xử lý đảm bảo môi trường.

- 100% lượng chất thải rắn y tế không nguy hại và nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

- 90% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt tại các xã được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

5. Các nội dung hoạt động triển khai của Đề án

5.1. Chương trình truyền thông nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

-Chương trình truyền thông trên các phương tiện truyền thông như các chuyên mục, phóng sự (Truyền hình, báo, hệ thống truyền thanh cấp cơ sở xã, thị trấn...).

-Các chiến dịch truyền thông, các cuộc thi về bảo vệ môi trường, xử lý rác thải trong trường học, các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội...

-Xây dựng tài liệu nâng cao nhận thức và hành động trong hoạt động thu gom, phân loại, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn sinh hoạt, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, bảo vệ môi trường.

-Xây dựng hệ thống pa nô, áp phích, bảng điện tử...về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, bảo vệ môi trường khu vực nông thôn, vùng đầm phá ven biển.

-Chương trình tuyên truyền, giáo dục phân loại chất thải rắn sinh hoạt, đặc biệt là tận dụng, tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đúng quy định, bảo vệ môi trường.

5.2. Xây dựng hạ tầng, đồng bộ hệ thống thu gom, trang cấp thiết bị phục vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt

-Thành lập HTX Môi trường và Đô thị trên cơ sở đội Công viên, cây xanh hiện do phòng Công thương quản lý và đội thu gom rác thải hiện do Thị trấn Sịa quản lý để thực hiện công việc quản lý công viên, cây xanh và thu gom vận chuyển, xử lý rác tại bãi chôn lấp rác Quảng Lợi.

-Đầu tư các phương tiện, dụng cụ, thiết bị cho các địa phương phục vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

5.3. Hoàn thành và đưa vào sử dụng bãi chôn lấp rác của huyện

Vận hành bãi chôn lấp rác thải của huyện tại xã Quảng Lợi có hiệu quả.

5.4. Đóng cửa các trạm trung chuyển tự phát, không đúng quy hoạch, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tại các xã, thị trấn

Triển khai dự án đóng cửa bãi rác tạm Thị trấn Sịa.

5.5. Xây dựng phí thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo nguyên tắc người gây ô nhiễm phải giải quyết nguồn ô nhiễm và cơ chế gắn thu bù chi trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt

-Năm 2013: Xây dựng cơ chế tài chính (Ngân sách các cấp: Tỉnh, huyện, xã và phí xử lý vệ sinh môi trường) đảm bảo cơ bản đủ kinh phí thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại trung tâm huyện lỵ, các khu vực dân cư tập trung, khu vực nông thôn và vùng đầm phá.

-Xây dựng định mức, đề xuất ban hành phí thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của tỉnh theo nguyên tắc tăng dần hướng đến mức thu đảm bảo chi phí hoạt động thu gom, xử lý rác.

5.6. Chương trình phân loại rác thải sinh hoạt từ nguồn các trung tâm xã

Xây dựng mô hình phân loại rác thải tại nguồn tại Thị trấn Sịa và các chợ trên địa bàn huyện.

6. Các giải pháp thực hiện

6.1. Giải pháp chung

63

Thiết lập hệ thống quản lý chất thải, đảm bảo vận hành ổn định và có hiệu quả để xử lý chất thải rắn phát sinh trên địa bàn huyện. Thiết lập hệ thống thu gom và đầu tư xây dựng bãi chôn lấp, tiêu hủy chất thải rắn đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy hoạch chung của tỉnh. Đảm bảo các yêu cầu: giải quyết triệt để các tác động đến môi trường của bãi chôn lấp; giải quyết được lượng chất thải phát sinh trên địa bàn; mức chi phí thu xử lý hợp lý, phù hợp với điều kiện kinh tế của các hộ dân tại địa phương.

6.2. Các giải pháp cụ thể

6.2.1. Công nghệ xử lý chất thải rắn

Các công nghệ, biện pháp kỹ thuật thường được áp dụng trên thế giới và Việt Nam để xử lý chất thải rắn sinh hoạt bao gồm: Chôn lấp, xử lý cơ học, thiêu đốt, sản xuất phân compost.

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của các cơ quan quản lý chuyên môn từ Trung ương đến địa phương và điều kiện thực tế về kinh tế-xã hội của địa phương, các phương pháp xử lý chất thải sau được lựa chọn:

-Chôn lấp hợp vệ sinh

Chôn lấp hợp vệ sinh là một phương pháp xử lý kỹ thuật chôn lấp chất thải với mục đích bảo vệ môi trường, được thực hiện bằng cách san lấp chất thải thành từng lớp mỏng, nén xuống thể tích tối thiểu và phủ đất lên trên sau mỗi lần nén.

-Sản xuất phân compost

Đây là phương pháp xử lý sinh học, chuyển hóa các thành phần hữu cơ trong rác thải thành mùn hữu cơ có hàm lượng các chất dinh dưỡng (N, P) phù hợp cho các loại cây trồng sử dụng trong canh tác nông nghiệp (phân hữu cơ sinh học) và có thể thu hồi các sản phẩm phụ khác như khí đốt sinh học (biogas).

- Thiêu đốt

Đây là phương pháp sử dụng nhiệt năng để tiêu hủy rác thải với các quá trình: đốt rác, nhiệt phân (hay khí hóa), hydrat hóa và sấy khô... Phương pháp đốt rác thường được sử dụng trong quản lý rác thải.

6.2.2. Phương thức xử lý chất thải rắn theo từng giai đoạn

-Đối với xã Quảng Ngạn và Quảng Công, phương pháp xử lý lựa chọn cho các giai đoạn như sau:

+Giai đoạn I (đến 2015): Thiêu đốt kết hợp với chôn lấp.

+Giai đoạn II (đến 2020): Thiêu đốt kết hợp với chôn lấp hoặc vận chuyển về bãi chôn lấp hợp vệ sinh tại bãi chôn lấp các xã Ngũ Điền, huyện Phong Điền (Theo quy hoạch các bãi rác trên địa bàn tỉnh).

-Đối với Thị trấn Sịa và các xã còn lại, phương pháp xử lý lựa chọn cho các giai đoạn như sau:

+Giai đoạn I (đến 2015): Chôn lấp hợp vệ sinh.

+Giai đoạn II (đến 2020): Phương pháp liên hợp xử lý (tái chế, tái sử dụng, chế biến phân compost) và chôn lấp hợp vệ sinh.

6.2.3. Vị trí hệ thống cơ sở xử lý chất thải rắn

Khu vực đang xây dựng bãi chôn lấp chất thải rắn thuộc địa phận xã Quảng Lợi, cách trung tâm Thị trấn Sịa khoảng 6,0 km về phía Đông Bắc, cách khu nghĩa địa của Thị trấn Sịa khoảng 3,5 km, cách đường giao thông liên xã

500 mét. Đây là vị trí phù hợp với Quy hoạch hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn của tỉnh.

Các số liệu quy hoạch bãi chôn lấp

-Loại hình: Bãi chôn lấp hợp vệ sinh.

-Thời hạn sử dụng: khoảng 10 năm.

-Diện tích quy hoạch: 10 ha.

-Các hạng mục công trình của khu xử lý bao gồm:

+Số ô chôn lấp: 2 ô; giai đoạn 1: đang xây dựng ô số 1.

+Xử lý nước rỉ rác bằng hồ sinh học kỵ khí; tùy tiện; hiếu khí và đất ướt.

+Khu vực nhà hành chính, nhà bảo vệ, trạm cân, trạm biến áp.

6.2.4. Hệ thống thu gom và vận chuyển chất thải rắn

-Các yêu cầu đối với hệ thống thu gom

+Hợp lý về các tuyến thu gom và tuyến vận chuyển.

+Sử dụng hợp lý tài nguyên.

+Phù hợp với những định hướng chiến lược của nhà nước và quy định của địa phương về bảo vệ môi trường.

-Mô hình hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn

Trên cơ sở phân tích hiện trạng công tác quản lý chất thải trên địa bàn, kết hợp phân tích, dự báo lượng rác thải phát sinh đến năm 2020, dựa trên các chỉ tiêu phát triển về kinh tế-xã hội, dân số, chiến lược bảo vệ môi trường và tham khảo các mô hình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn tại một số địa phương trong nước; đồng thời tham vấn ý kiến cộng đồng và sự hài lòng của người dân về hệ thống quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn ở thời điểm hiện tại...các mô hình được chọn lựa bao gồm:

Mô hình áp dụng cho xã Quảng Công và Quảng Ngạn

Giai đoạn 1: đến năm 2015

- Rác thải từ các hộ gia đình có thể tự xử lý tại chỗ bằng cách đốt hoặc chôn lấp, phần còn lại phải tự vận chuyển ra thùng rác hoặc các điểm tập kết rác đã được quy định. Định kỳ (có thể hàng ngày hoặc 2-3 ngày/tuần), đội thu gom rác của thôn sẽ thu gom và vận chuyển đến khu vực xử lý tập trung của xã.

-Rác thải từ chợ, cơ quan, hộ kinh doanh, trường học...cũng được thu gom và vận chuyển tương tự. Các loại rác rơi vãi sẽ được thu gom định kỳ và vận chuyển đến điểm xử lý tập trung trong các đợt dọn vệ sinh do chính quyền xã hoặc thôn tổ chức.

Giai đoạn 2: Từ năm 2015 đến năm 2020

Thực hiện như giai đoạn 1 hoặc cơ giới hóa quá trình thu gom bằng các biện pháp như: lắp đặt các thùng rác chuyên dùng, vận chuyển rác bằng ô tô về bãi chôn lấp hợp vệ sinh xã Ngũ Điền.

Mô hình áp dụng cho Thị trấn Sịa và các xã còn lại

-Rác thải từ các hộ gia đình có thể tự xử lý tại chỗ bằng cách đốt hoặc chôn lấp, phần còn lại phải tự vận chuyển ra thùng rác hoặc các điểm tập kết rác đã được quy định của thôn. Định kỳ hàng ngày (đối với các khu vực tập trung dân cư cao) hoặc 2-3 ngày/tuần (các thôn thuộc các xã), đội thu gom rác của Hợp tác xã Môi trường và Đô thị của huyện sẽ thu gom và vận chuyển đến điểm trung chuyển rác và sau đó xe tải hoặc xe chuyên dùng sẽ vận chuyển đến bãi

chôn lấp hợp vệ sinh tại Quảng Lợi.

-Rác thải từ chợ, cơ quan, hộ kinh doanh, trường học...cũng được thu gom và vận chuyển tương tự. Các loại rác rơi vãi trên đường, tại các khu vực công cộng sẽ được thu gom hàng ngày hoặc định kỳ và sau đó vận chuyển đến bãi chôn lấp tập trung tại Quảng Lợi.

-Trong giai đoạn đầu (đến năm 2015), đối với các xã, việc thu gom rác sẽ thu gom theo thôn, ưu tiên triển khai thực hiện ở các thôn có mật độ dân cư cao, sau đó đến thôn có mật độ dân cư thấp. Tại mỗi thôn, tùy theo quy mô diện tích, dân cư mà bố trí các điểm đặt thùng rác hoặc điểm tập kết rác. Đối với phạm vi các xã, thị trấn: ưu tiên triển khai thu gom tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, đất chật, người đông và các xã, các khu vực thường xuyên bị ngập lụt.

6.3. Phương thức thu gom

6.3.1. Đối với Thị trấn Sĩa

-Tổ chức thu gom rác tại các thôn hàng ngày bằng xe đẩy tay.

-Bố trí các thùng rác loại 240 lít dọc các trục đường chính của thị trấn.

-Tại Trung tâm thương mại Quảng Điền, đặt các thùng rác loại 660 lít, trong tương lai sẽ đặt container. Bố trí các trạm trung chuyển hoặc điểm tập kết chất thải rắn, dùng ô tô vận chuyển về bãi chôn lấp trong ngày.

6.3.2.Đối với các xã

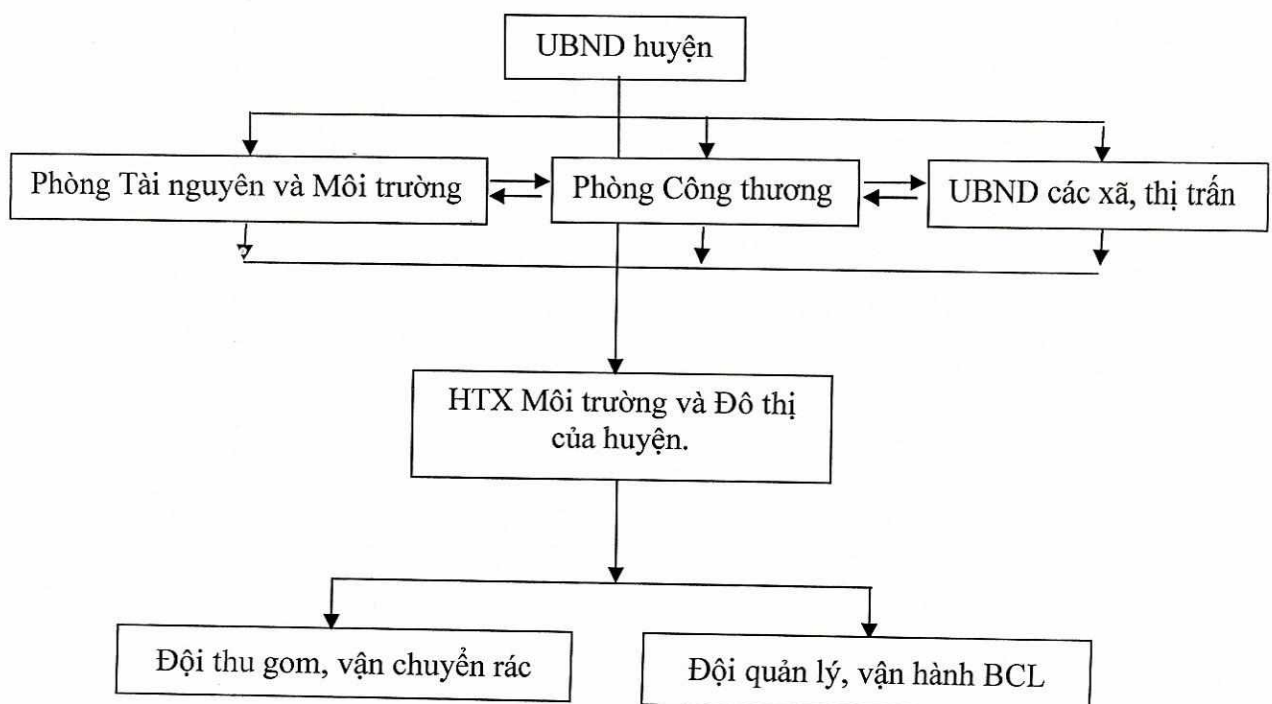
-Rác tại các chợ sẽ được tổ chức thu gom hàng ngày bằng xe đẩy tay đến điểm trung chuyển (rác từ các hộ dân tự đưa đến nếu không tổ chức thu gom).

-Tùy thuộc vào lượng rác, định kỳ 1 hoặc vài lần/tuần, dùng xe ben (hiện tại) hoặc xe chuyên dụng (tương lai) vận chuyển rác về bãi chôn lấp tại xã Quảng Lợi.

-Thời gian vận chuyển: Trước mắt tổ chức vận chuyển vào ban ngày (buổi sáng), trong tương lai sẽ thu gom và vận chuyển vào buổi tối (sau 20 giờ).

5.4. Tổ chức thực hiện và quản lý hệ thống

Sơ đồ tổ chức, quản lý hệ thống thu gom và xử lý rác thải như sau:



66

Với mô hình này, UBND huyện là đầu mối quản lý Nhà nước tập trung thông qua phòng Công thương phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường; UBND các xã, thị trấn quản lý, hướng dẫn HTX Môi trường và Đô thị của huyện.

Với mô hình trên, hệ thống quản lý chất thải rắn đã được thiết lập và kiểm soát được tất cả các loại chất thải rắn phát sinh trên địa bàn huyện Quảng Điền.

Trước mắt khi bãi chôn lấp rác Quảng Lợi chưa xây dựng xong và chưa thành lập HTX Môi trường và Đô thị của huyện, tạm thời giao bãi rác tạm của huyện cho đội thu gom rác Thị trấn Sịa quản lý và sử dụng dưới sự giám sát và hướng dẫn kỹ thuật của phòng Tài nguyên và Môi trường.

II. Kế hoạch thực hiện Đề án

1. Giai đoạn năm 2013 - 2014

-Hoàn thành xây dựng bãi chôn lấp rác Quảng Lợi.

-Thực hiện chương trình truyền thông nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường trên toàn huyện. Xây dựng chương trình và lịch phát sóng hàng tuần trên sóng đài phát thanh huyện.

-Triển khai thực hiện dự án đóng cửa bãi rác tạm Thị trấn Sịa.

-Phân kỳ đầu tư phương tiện, thiết bị, dụng cụ... phục vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

-Quý II, III năm 2013, xây dựng bãi trung chuyển rác tại các xã.

-Quý III, năm 2013, tổ chức hoạt động thu gom rác tại trung tâm xã Quảng Thành và xã Quảng Phú.

-Quý IV, năm 2013, thành lập HTX Môi trường và Đô thị của huyện. Trên cơ sở định mức phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, xây dựng, ban hành phí thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện đảm bảo gắn thu bù chi với sự hỗ trợ của ngân sách 03 cấp (tỉnh, huyện, xã).

-Quý I, năm 2014, triển khai thực hiện hoạt động thu gom trên toàn xã Quảng Thành, Quảng Phú, Quảng Phước, trung tâm xã Quảng An, Quảng Vinh. Lập thủ tục đầu tư, xây dựng lò đốt rác tại xã Quảng Ngạn (từ nguồn vốn sự nghiệp môi trường quốc gia).

-Quý II, năm 2014, sơ kết, đánh giá việc thực hiện Đề án để điều chỉnh, bổ sung, tăng tốc nhằm đạt các mục tiêu của Đề án. Hoàn thiện mạng lưới thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên toàn huyện.

-Quý II, năm 2014, triển khai hoạt động thu gom trên địa bàn toàn huyện.

-Năm 2014, các nội dung của Đề án cơ bản đã hoàn thành.

2. Năm 2015

-Xem xét, rà soát lại kế hoạch thực hiện và có phương án để hoàn thành các nội dung của Đề án, thu được kết quả và đạt các mục tiêu đề ra.

-Tổng kết, đánh giá việc thực hiện Đề án thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt huyện Quảng Điền đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.

III. Kinh phí thực hiện

1. Số lượng phương tiện cần trang bị thêm để phục vụ thu gom rác

TT	Xã, Thị trấn	Thùng rác 120 lit		Thùng rác 240 lit		Thùng rác 660 lit		Xe đẩy tay	
		2015	2020	2015	2020	2015	2020	2015	2020
1	Thị trấn Sịa	10	10	76	95	5	6	5	9
2	Quảng An	10	10	58	78	4	5	8	7
3	Quảng Lợi	10	10	44	59	3	4	4	9
4	Quảng Phú	10	10	64	87	5	6	12	13
5	Quảng Phước	10	10	44	60	3	4	4	8
6	Quảng Thành	10	10	64	86	5	6	5	9
7	Quảng Thọ	10	10	44	60	3	4	8	8
8	Quảng Vinh	10	10	60	82	5	5	5	14
9	Quảng Thái	10	10	29	39	2	3	9	8
10	Quảng Công	10	10	36	48	3	3	3	10
11	Quảng Ngạn	10	10	38	51	3	3	3	10
Toàn huyện		110	110	557	745	41	49	66	105

Toàn huyện	Xe ép rác		Xe ben		Xe cầu container		Thùng container	
	2015	2020	2015	2020	2015	2020	2015	2020
	2	2	1	2	1	2	35	10

2. Mức đầu tư hệ thống quản lý chất thải rắn đến năm 2020

Giai đoạn I:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Khoản mục	Đến năm 2015	NS tỉnh	NS địa phương	NS khác
1	Chi phí xây dựng	22,056,689	19,056,689	0	3,000,000
	Bãi chôn lấp Quảng lợi	19,056,689	19,056,689	0	0
	Xây dựng lò đốt rác	3,000,000	0	0	3,000,000
2	Chi phí thiết bị	8,531,600	2,165,000	388,500	5,978,100
	Xe cuốn ép rác	2,400,000	1,200,000	0	1,200,000
	Xe ben	300,000	300,000	0	0
	Xe cầu container	1,500,000	0	0	1,500,000
	Container đựng rác	2,625,000	375,000	375,000	1,875,000
	Xe đẩy tay	330,000	110,000	0	220,000
	Thùng rác 120 lít	148,500	0	13,500	135,000
	Thùng rác 240 lít	1,002,600	180,000	0	822,600
	Thùng rác 660lít	225,500	0	0	225,500
3	Chi phí khác	3,307,500	0	3,207,500	100,000
	Chi công tác tuyên truyền	300,000	0	200,000	100,000
	Bổ sung chi thường xuyên	3,007,500	0	3,007,500	0
Tổng cộng		33,895,789	21,221,689	3,596,000	9,078,100

Giai đoạn II

STT	Khoản mục	Đến năm 2020	NS tỉnh	NS địa phương	NS khác
1	Chi phí xây dựng	3,000,000	3,000,000	0	0
	Xây dựng lò đốt rác	3,000,000	3,000,000	0	0
2	Chi phí thiết bị	9,034,000	4,517,000	2,258,500	2,258,500
	Xe cuốn ép rác	2,400,000	1,200,000	1,200,000	0
	Xe ben	600,000	300,000	300,000	0
	Xe cầu container	3,000,000	1,500,000	0	1,500,000
	Container đựng rác	750,000	375,000	187,500	187,500
	Xe đẩy tay	525,000	262,500	131,250	131,250
	Thùng rác 120 lít	148,500	74,250	37,125	37,125
	Thùng rác 240 lít	1,341,000	670,500	335,250	335,250
	Thùng rác 660lít	269,500	134,750	67,375	67,375
3	Chi phí khác	500,000	0	500,000	0
	Chi công tác tuyên truyền	500,000	0	500,000	0
	Bổ sung chi thường xuyên	0	0	0	0
	Tổng cộng	12,534,000	7,517,000	2,758,500	2,258,500

Dự kiến nguồn vốn đầu tư cho hệ thống quản lý chất thải rắn Quảng Điền được lấy từ các nguồn sau:

-Vốn đầu tư xây dựng các khu xử lý: Nhà nước đầu tư.

-Chi phí mua sắm trang thiết bị và hoạt động thường xuyên: Ban đầu Nhà nước đầu tư mua sắm thiết bị. Chi phí hoạt động thu gom rác hàng năm (bao gồm lương công nhân) khấu hao thiết bị, phương tiện và vận hành... sẽ được lấy từ nguồn kinh phí thu gom và xử lý rác (lệ phí vệ sinh do các hộ đóng); phần kinh phí này giai đoạn đầu Nhà nước sẽ bù lỗ, có kế hoạch tăng mức thu từng năm để tiến tới tự chủ kinh phí hoạt động.

*Phân tích chi phí

Các chi phí cần thiết để vận hành hệ thống quản lý chất thải rắn huyện Quảng Điền bao gồm chi phí tiền lương của đội thu gom rác, chi phí khấu hao phương tiện và thiết bị, chi phí tiêu hao vật tư, hóa chất và nhiên liệu phục vụ cho việc thu gom và xử lý rác. Cụ thể như sau:

Chi phí tiền lương trong hệ thống QLCTR Quảng Điền

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	Vị trí công việc	Số lượng (người)	Lương/ người /tháng	Tổng tiền lương hàng năm	Lương hàng tháng
1	Ban Chủ nhiệm	1	3.500	42.000	3.500
2	Kế toán+ thủ quỹ	2	3.000	72.000	6.000
3	Lái xe	4	2.500	120.000	10.000
4	Phụ xe	8	2.000	192.000	16.000
5	Quản lý vận hành BCL	6	3.000	216.000	18.000

6	Cán bộ phụ trách tại các xã, TT	11	1.000	132.000	11.000
7	Công nhân thu gom	105	2.000	2.520.000	210.000
Tổng quỹ lương		137		3.294.000	274.500

Chi phí khấu hao vật tư hoá chất và nhiên liệu

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	Khoản mục	Định mức tiêu hao	Mức tiêu hao hàng năm	Chi phí hàng tháng
1	Công cụ, dụng cụ	1,000,000đ/người*137LĐTT	137.000	11.417
2	Xử lý tại bãi chôn lấp	30,000đ/tấn*15,000tấn/năm	450.000	37.500
3	Xăng dầu	4,000,000*4xe/tháng	240.000	20.000
4	Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	giá thiết bị 8.531.600*5%	426.580	35.548
Tổng cộng			1.253.580	104.465

Chi phí khấu hao phương tiện và thiết bị

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	Khoản mục	Thời gian khấu hao (năm)	Giá trị khấu hao	Mức khấu hao hàng năm	Chi phí khấu hao hàng tháng
1	Xe cuốn ép và xe ben	10	2.700.000	270.000	22.500
2	Xe và thùng container	10	4.125.000	825.000	68.750
3	Xe đẩy tay + thùng rác	5	1.706.600	426.650	35.554
Tổng cộng			8.531.600	1.521.650	126.804

Chi phí hoạt động thường xuyên trong 01 tháng là:

$$74.500.000 + 104.465.000 = 378.965.000đ$$

Trên cơ sở các khoản chi, các số liệu về cân đối thu chi từ nguồn thu phí vệ sinh môi trường, tính toán với mức thu phí tăng dần, tiến tới sẽ bù đắp chi phí, tự chủ kinh phí. Dự kiến mức phí khởi điểm thu từ năm 2014 là 10.000 đồng/hộ/tháng.

Đơn vị tính 1000đ

STT	Nội dung	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
1	Số hộ dân toàn huyện (dự tính)	23.973	24.523	25.073	25.623	26.173	26.723	27.273
2	Tỷ lệ thu phí ước tính	0,95	0,95	0,95	0,95	0,95	0,95	0,95
3	Mức phí mỗi hộ/tháng	12	14	16	18	20	20	20
4	Tổng tiền phí thu được/tháng	273.292	326.156	381.110	438.153	497.287	507.737	518.187
5	Chi hoạt động	378.965	378.965	378.965	378.965	378.965	378.965	378.965

	thường xuyên							
6	Cân đối thu chi - lỗ/lãi	105.673	-52.809	2.145	59.188	118.322	128.772	139.222

Dự kiến số hộ tăng là 50 hộ/năm/xã, thị trấn: $11 * 50 = 550$ hộ

IV. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường

-Chủ trì, phối hợp với các ban ngành liên quan và UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện Đề án có hiệu quả; đôn đốc và hướng dẫn UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện Đề án theo đúng tiến độ.

-Chủ trì, phối hợp với các ban ngành liên quan và UBND các xã, thị trấn xây dựng khung chính sách quy định trách nhiệm của các đơn vị quản lý Nhà nước, các đơn vị thu gom, vận chuyển rác.

-Lập dự toán kinh phí thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn.

-Phối hợp với phòng Công thương và UBND các xã, thị trấn đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác thu gom, vận chuyển rác thải của địa phương.

-Tổng hợp, báo cáo kết quả tổ chức thực hiện. Tham mưu UBND huyện tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án trong từng giai đoạn.

-Phối hợp với các ban ngành cấp huyện vận động các nguồn tài trợ, tạo nguồn tài chính vững mạnh cho việc triển khai Đề án.

-Phối hợp với phòng Công thương kiểm tra, đôn đốc hoạt động của HTX Môi trường và đô thị trong việc thu gom và xử lý rác.

-Phối hợp với phòng Nội vụ, tham mưu Chủ tịch UBND huyện khen thưởng tập thể và cá nhân xuất sắc trong việc thực hiện Đề án.

2. Phòng Tài chính và Kế hoạch

-Căn cứ vào ngân sách hàng năm để tham mưu UBND huyện bố trí kinh phí; đồng thời tham mưu kiến nghị UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí để thực hiện Đề án.

-Thẩm tra dự toán chi tiết, phân bổ kinh phí thu gom, vận chuyển rác thải và báo cáo UBND huyện xem xét phê duyệt.

-Thẩm tra báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện Đề án theo quy định.

-Hướng dẫn UBND các xã, thị trấn thu và sử dụng phí vệ sinh môi trường theo quy định.

-Phối hợp với các phòng ban cấp huyện vận động các nguồn tài trợ, tạo nguồn tài chính vững mạnh cho việc triển khai Đề án.

-Chủ trì phối hợp với các ban ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng khung chính sách khuyến khích hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia vào công tác thu gom, vận chuyển rác.

3. Phòng Công thương

-Chủ trì, phối hợp với các ban ngành liên quan thành lập HTX Môi trường và Đô thị

-Chủ trì, phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, đôn đốc hoạt động của HTX Môi trường và đô thị.

4. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường xây dựng các nội dung phổ

71

biến kiến thức, hướng dẫn lồng ghép vào chương trình giáo dục môi trường và tuyên truyền phổ biến trong các trường học trên địa bàn huyện.

5. Phòng Văn hoá và Thông tin, Đài Truyền thanh huyện

-Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến tất cả mọi người dân việc thực hiện Đề án trên địa bàn huyện.

-Chỉ đạo Đài truyền thanh các xã, thị trấn xây dựng khung thời gian cụ thể để phát sóng tuyên truyền, phổ biến thực hiện Đề án.

6. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

-Giai đoạn đầu khi chưa thành lập HTX quản lý đô thị và vệ sinh môi trường của huyện chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thu gom rác thải phù hợp với thực tế địa phương một cách thiết thực, hiệu quả. Thu phí vệ sinh môi trường theo quy định. Chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí thực hiện hàng năm theo quy định của Nhà nước.

-Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn tại từng địa phương, đơn vị.

-Phối hợp với các phòng, ban cấp huyện vận động các nguồn tài trợ, tạo nguồn tài chính cho việc triển khai Đề án.

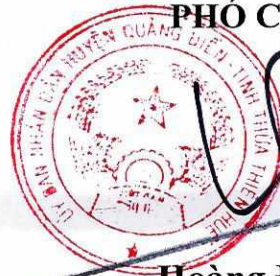
-Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và nộp phí vệ sinh môi trường theo quy định, tạo nếp sống văn minh.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các đoàn thể phối hợp với các cơ quan, ban ngành cấp huyện, UBND các xã, thị trấn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động mọi tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện tốt Đề án, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chi cục Bảo vệ môi trường;
- Thường vụ Huyện uỷ;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT-PCT. UBND huyện;
- Các ban ngành, đoàn thể cấp huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo VP+CV.
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Đăng Khoa